

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-01-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Nga
- Bà Nguyễn Thị Nguyên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 538/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 448/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: tổ N, ấp D, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm: 1980

Địa chỉ: tổ N, ấp D, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Nguyễn Thị H có đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Thanh H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 11 năm 2021, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh H bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2002, do mai mối, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 18/11/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường. Đến năm 2018 thì vợ chồng thường

xuân xảy ra mâu thuẫn do ông H mỗi lần đi nhậu về đến nhà thì vợ chồng cãi vã, bất đồng quan điểm về mọi mặt. Hai bên sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thành C, sinh ngày 31/10/2004 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 22/11/2008. Khi ly hôn, bà H đồng ý giao trẻ Nguyễn Thành C và trẻ Nguyễn Thành T cho ông H nuôi dưỡng; bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị H không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H; giao trẻ Nguyễn Thành T cho ông Nguyễn Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Thị H; bà H chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh H, đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ kết quả xác minh của Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Thanh H có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ E12/12A tổ 14, ấp 5A, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Do bị đơn ông Nguyễn Thanh H có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông H theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 187, quyền số 01/2002 thì bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh H có đăng ký kết hôn tại vào

ngày 18/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thanh H nhưng ông H vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vậy nên ông H đã tự tước bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình nên ông phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào đơn xin ly hôn, bản tự khai của bà H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày thời gian đầu vợ chồng bà chung sống bình thường. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông H mỗi lần đi nhậu về đến nhà thì vợ chồng xảy ra cãi vã, chung sống nhưng bất đồng quan điểm về mọi mặt. Hai bên sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và không thể tiếp tục chung sống nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

[6] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

[7] Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.*

[8] Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp có nội dung như sau: *“... hiện tại giữa bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Thanh H không còn chung sống với nhau và đã ly thân từ tháng 12 năm 2019... Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A chưa giải quyết mâu thuẫn về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Thanh H...”*

[9] Mặc dù tại địa phương chưa hòa giải mâu thuẫn về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh H nhưng căn cứ vào lời trình bày của bà H thì trong quá trình chung sống vợ chồng bà có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, mỗi khi ông H nhậu say về nhà thì vợ chồng xảy ra cãi vã, hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, tình nghĩa vợ chồng của bà H và ông H đã có rạn nứt, không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau cho nên tình cảm vợ chồng không còn. Đồng thời trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để

tham dự các phiên hòa giải và các phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ. Điều này chứng tỏ ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[10] Mục đích của hôn nhân là vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Tuy nhiên, bà H và ông H chung sống mà không có tiếng nói chung, cãi vã và đã ly thân nhiều năm. Những mâu thuẫn trên cho thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà H và ông H đã không còn, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn. Vì vậy việc duy trì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H cũng không còn ý nghĩa. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn với ông H là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về con chung: Bà H và ông H có 02 con chung tên là Nguyễn Thành C, sinh ngày 31/10/2004 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 22/11/2008. Khi ly hôn, bà H đồng ý giao trẻ Nguyễn Thành T cho ông H nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Riêng trẻ Nguyễn Thành C đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[12] Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

[13] Tại Biên bản ghi nhận ý kiến trẻ ngày 26/7/2022, trẻ Nguyễn Thành T trình bày hiện trẻ đang sống cùng ba và anh trai, nếu ba mẹ ly hôn thì trẻ muốn sống với ba. Cũng theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì hiện trẻ Nguyễn Thành T đang ở cùng với ông Nguyễn Thanh H. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với vấn đề con chung. Cho nên, Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của nguyên đơn và xem xét nguyện vọng của con. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao trẻ Nguyễn Thành T cho ông Nguyễn Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo môi trường sống được ổn định, không ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của trẻ. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp về con chung thì sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[14] Về cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn, bà H không cấp dưỡng nuôi con đồng thời ông H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà H; nếu sau này các đương sự có sự tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Tính đến thời điểm xét xử, anh Nguyễn Thành C đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

[15] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[16] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[17] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 192, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 187, quyền số 01/2002 đăng ký ngày 18/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh H có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Thành C, sinh ngày 31/10/2004 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 22/11/2008.

Giao trẻ Nguyễn Thành T cho ông Nguyễn Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Nguyễn Thị H cho đến khi ông Nguyễn Thanh H có yêu cầu. Riêng anh Nguyễn Thành C đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0040414 ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- UBND xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Tuyền

